

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **21/2021/DS-ST.**

Ngày: 12-4-2021

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Lệ

Bà Đàm Thị Thanh Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thân Mến - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 153/2020/TLST-DS ngày 17 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2021/QĐXXST – DS ngày 24/02/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 38/2021/QĐST-DS ngày 22/3/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1 Ông **Tăng T**, sinh năm 1952 (Có mặt)

Hộ khẩu thường trú: Khóm O, Phường P, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Chỗ ở hiện nay: cửa hàng K, Khóm U, Phường Y, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bà **Ngô P**, sinh năm 1963 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp L, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Biện N**, sinh năm 1959 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp P, thị trấn PL, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

3. Ông **Lê K**, sinh năm 1993 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp L, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Khiêm: Ông **Biện N**, sinh năm 1959 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp P, thị trấn PL, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

4. Bà **Lê C**, sinh năm 1984 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp L, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:*

1. Bà **Võ L**, sinh năm 1980 (Vắng mặt)

2. Ông **Lê HL**, sinh năm 1981 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp L, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn ông Tăng T trình bày:

Ông và vợ chồng ông Lê HL và bà Võ L có mối quan hệ bà con với nhau. Vợ chồng ông HL, bà L là cháu vợ của ông. Vào ngày 25/4/2019 dương lịch ông có cho vợ chồng ông HL vay số tiền 300.000.000 đồng, có làm giấy vay tiền lập ngày 25/4/2019, biên nhận của ông có làm mẫu sẵn để một số chỗ trống để người vay tiền tự ghi vào, nên khi vay tiền của ông thì ông HL là người điền những thông tin cần thiết vào giấy vay tiền của ông lập tại nhà ông HL, sau khi làm giấy tay xong thì giao tiền luôn tại nhà ông HL. Khi giao nhận tiền chỉ có ông và vợ chồng ông HL, bà L, ngoài ra không có ai. Khi vay tiền thì thỏa thuận lãi suất 1%/tháng do là chỗ cháu vợ của ông. Thỏa thuận là 30 ngày sẽ trả tiền vốn và lãi cho ông nên giấy vay tiền có ghi tổng cộng vốn và lãi là 309.000.000 đồng nhưng vợ chồng ông HL, bà L cứ hứa lần hứa lựa, hứa bán nhà trả cho ông vì vợ chồng ông HL có một căn nhà ở Phường P gần nhà của ông. Nay vợ chồng ông HL, bà L đã bỏ địa phương đi không có về địa phương.

Tại phiên tòa hôm nay, ông thay đổi một phần đơn kiện, ông chỉ yêu cầu vợ chồng ông Lê HL và bà Võ L trả cho ông số tiền vốn vay 300.000.000 đồng và lãi suất 12%/năm (01%/tháng) kể từ ngày 25/4/2019 dương lịch đến ngày xét xử tính ra 70.800.000 đồng.

2/ Theo đơn khởi kiện của bà Ngô P và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn ông Biện N trình bày:

Nguyên vào ngày 02/9/2014 âm lịch vợ chồng ông Lê HL và bà Võ L có mượn của bà Ngô P số tiền 250.000.000 đồng trong đó 100.000.000 đồng thỏa thuận lãi suất 2%/tháng và 150.000.000 đồng trả dần trong hai năm không tính lãi. Ngày 13/8/2020 dương lịch bà P tiếp tục cho vợ chồng ông HL, bà L hỏi vay số tiền 50 triệu đồng không có lãi suất để đáo hạn ngân hàng hẹn hai tuần sau sẽ trả lại nhưng rồi sau đó cứ hẹn lần hẹn lựa và bỏ nhà đi khỏi địa phương. Việc vay tiền giữa hai bên có làm biên nhận viết tay do chính bà L viết đưa cho bà P.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện ủy quyền ông Biện N yêu cầu vợ chồng ông Lê HL và bà Võ L trả cho bà Ngô P số tiền vốn vay 300.000.000 đồng. Về lãi suất yêu cầu như sau: Số tiền 150 triệu đồng không yêu cầu lãi suất. Số tiền 100 triệu đồng tính từ ngày 02/09/2014 âm lịch nhằm ngày 25/10/2014 dương lịch đến ngày 01/01/2017 dương lịch với mức lãi suất 1,125%/tháng và từ ngày 02/01/2017 đến ngày 12/4/2021 mức lãi suất là 1,66%/tháng. Số tiền 50 triệu đồng tính lãi suất 10%/năm từ ngày 28/8/2020 dương lịch.

3/ Theo đơn khởi kiện của ông Lê K và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn ông Biện N trình bày:

Ngày 09/12/2019 âm lịch vợ chồng ông Lê HL và bà Võ L có mượn của ông Lê K số tiền 300.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 2%/tháng. Thỏa thuận sau thời hạn 30 ngày sẽ hoàn lại vốn và lãi. Đến ngày 16/12/2019 âm lịch vợ chồng ông HL và bà L vay thêm của ông K số tiền 100.000.000 đồng thỏa thuận lãi suất 02%/tháng trong giấy vay tiền không đề thời gian trả bao lâu và cũng không có đề mức lãi suất là bao nhiêu nhưng giữa bà L và ông K có thỏa thuận miệng khoảng ngày 20/01/2020 âm lịch sẽ trả tiền vì lúc đó bà L nói đang làm thủ tục vay tiền của ngân hàng L phòng giao dịch N. Ông K cũng có liên hệ đến ngân hàng L phòng giao dịch N để hỏi xem bà L có vay tiền tại ngân hàng không thì được biết ngân hàng cũng đang có làm hồ sơ cho vợ chồng bà L vay tiền nên ông K tin tưởng bà L.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện ủy quyền ông Biện N yêu cầu vợ chồng ông Lê HL và bà Võ L trả cho ông Lê K số tiền vốn vay 400.000.000 đồng và lãi suất trên số tiền 300.000.000 đồng từ ngày 09/12/2019 âm lịch và số tiền 100 triệu đồng từ ngày 16/12/2019 âm lịch đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất chậm trả là 10%/năm.

4/ Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê C trình bày:

Do chỗ quen biết nên bà có cho vợ chồng ông Lê HL và bà Võ L vay số tiền vốn 170.000.000 đồng. Cụ thể ngày 29/9/2018 âm lịch vợ chồng ông HL, bà L vay số tiền 70 triệu đồng, lần thứ hai ngày 19/4/2019 âm lịch vay tiếp số tiền 100 triệu đồng. Cả hai lần vay điều có làm giấy tay do bà L là người viết đưa cho bà giữ. Lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng thời hạn khi nào cần bà sẽ lấy lại. Sau khi vay thì vợ chồng bà L, ông HL chỉ trả tiền lãi cho bà được một khoảng thời gian với lãi suất 3%/tháng, đến nay không trả lãi gần hai năm. Số tiền lãi đã trả cho bà bao nhiêu bà cũng không nhớ rõ nhưng số tiền lãi đã đóng rồi thì bà không có yêu cầu gì, vợ chồng bà L cũng gặp khó khăn không còn khả năng trả nợ.

Tại phiên tòa hôm nay, bà yêu cầu vợ chồng ông Lê HL và bà Võ L trả cho bà số tiền vốn vay 170.000.000 đồng và không yêu cầu lãi suất.

5/ Trong quá trình xét xử, bị đơn ông Lê HL và bà Võ L, vắng mặt, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho ông HL, bà L được biết nội dung khởi kiện của các nguyên đơn nhưng ông HL, bà L vẫn không có văn bản trình bày ý kiến cung cấp cho Tòa án.

6/ Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm đã phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và mở phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn ông HL, bà L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng không đến tham gia phiên tòa cũng không có yêu cầu xử vắng mặt nên chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm phát biểu về tính có căn cứ của các yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Tăng T, bà Ngô P, ông Lê K và bà Lê C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa hôm nay các nguyên đơn giữ nguyên đơn khởi kiện, riêng nguyên đơn ông T có thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: bị đơn ông Lê HL và bà Võ L vắng mặt phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông HL, bà L. Đồng thời, nguyên đơn ông Tăng T thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu các bị đơn trả cho ông số tiền vốn vay là 300 triệu đồng và lãi suất chỉ yêu cầu 12%/năm là không vượt quá phạm vi khởi kiện nên căn cứ vào khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu thay đổi này của phía nguyên đơn ông T.

[2] Nguyên đơn ông Tăng T yêu cầu các bị đơn ông Lê HL, bà Võ L trả số tiền vốn vay là 300 triệu đồng. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của ông T là giấy vay tiền lập ngày 25/4/2019. Nguyên đơn bà Lê C yêu cầu các bị đơn ông HL, bà L trả số tiền vốn vay là 170 triệu đồng. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà C là 02 giấy mượn tiền lập ngày 29/09/2018 âm lịch và ngày 19/04/2019 âm lịch. Nguyên đơn bà Ngô P yêu cầu các bị đơn ông HL, bà L trả số tiền vốn vay là 300 triệu đồng. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà P là 01 giấy mượn tiền lập ngày 13/08/2020 dương lịch và 01 biên nhận lập ngày 02/09/2014 âm lịch. Nguyên đơn ông Lê K yêu cầu các bị đơn ông HL, bà L trả số tiền vốn vay là 400 triệu đồng. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của ông K là 02 giấy cho vay tiền lập ngày 09/12/2019 âm lịch và ngày 16/12/2019 âm lịch. Hội đồng xét xử nhận thấy, hình thức, nội dung đơn khởi kiện của các nguyên đơn đã đảm bảo quy định tại Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Khi gửi đơn kiện đến Tòa án thì các nguyên đơn cũng đã cung cấp đầy đủ họ tên, năm sinh, địa chỉ rõ ràng của ông HL và bà L. Phía bị đơn ông HL và bà L đã phát sinh các giao dịch vay mượn tiền của các nguyên đơn nhưng bỏ đi khỏi địa phương không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền quản lý về nơi cư trú theo quy định của pháp luật về cư trú làm cho người khởi kiện không biết được địa chỉ cư trú hiện nay của các bị đơn nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện nên khi Tòa án thụ lý đơn khởi kiện thì Tòa án cũng đã thực hiện các thủ tục tổng đạt, niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Phía các bị đơn ông HL và bà L không có ý kiến trình bày, phản đối đối với ý kiến, yêu cầu khởi kiện cũng như các chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Căn cứ vào các giấy cho vay tiền, giấy mượn tiền mà

các nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án làm căn cứ chứng cứ thì Hội đồng xét xử xác định các bị đơn ông Lê HL và bà Võ L có hỏi vay mượn tiền của các nguyên đơn theo các giấy tay mà các nguyên đơn cung cấp là có thật. Việc thỏa thuận vay tiền giữa các nguyên đơn và các bị đơn ông HL với bà L là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Số tiền vợ chồng ông HL và bà L còn nợ các nguyên đơn đáng lẽ sau khi hết thời hạn thỏa thuận trả tiền thì vợ chồng ông HL và bà L có nghĩa vụ thanh toán cho các nguyên đơn nhưng đến thời điểm này vợ chồng ông HL và bà L bỏ địa phương đi chưa trả lại tiền vay mượn cho các nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, việc các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông HL và bà L trả tiền vốn vay còn thiếu là phù hợp với quy định của pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận. Cụ thể, buộc ông HL và bà L trả cho nguyên đơn ông Tăng T số tiền vốn vay 300 triệu đồng, trả cho bà Lê C số tiền vốn vay là 170 triệu đồng, trả số cho bà Ngô P số tiền vốn vay là 300 triệu đồng và trả cho ông Lê K số tiền vốn vay là 400 triệu đồng.

[3] Xét về lãi suất: Nguyên đơn bà Lê C không yêu cầu lãi suất nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nguyên đơn ông Tăng T yêu cầu tính lãi suất theo thỏa thuận 1%/tháng từ ngày vay 25/4/2019 dương lịch đến ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, số tiền lãi được tính từ ngày vay 25/4/2019 đến ngày xét xử 12/4/2021 là 01 năm 11 tháng 08 ngày x 01%/tháng x 300 triệu đồng = 70.800.000đ. Nguyên đơn bà P yêu cầu tính lãi của số tiền 100 triệu đồng tính từ ngày 02/09/2014 âm lịch nhằm ngày 25/10/2014 dương lịch đến ngày 01/01/2017 dương lịch với mức lãi suất 1,125%/tháng và từ ngày 02/01/2017 đến ngày 12/4/2021 mức lãi suất là 1,66%/tháng. Nhận thấy, số tiền 100 triệu đồng theo biên nhận ngày 02/09/2014 âm lịch thỏa thuận lãi suất 2%/tháng chứng minh khi vay mượn tiền thì hai bên có thỏa thuận lãi suất nhưng mức lãi suất thỏa thuận vượt mức lãi quy định của pháp luật nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất lại theo mức lãi suất được quy định của pháp luật là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005 và khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Cụ thể mức lãi suất được tính như sau: từ ngày 02/09/2014 âm lịch nhằm ngày 25/10/2014 dương lịch đến ngày 01/01/2017 dương lịch là 02 năm 02 tháng 07 ngày x 1,125%/tháng x 100 triệu đồng = 29.512.500đ; từ ngày 02/01/2017 đến ngày 12/4/2021 là 04 năm 03 tháng 10 ngày x 1,66%/tháng x 100 triệu đồng = 85.213.000đ. Số tiền 50 triệu đồng, yêu cầu tính lãi suất 10%/năm từ ngày 28/8/2020 dương lịch đến ngày xét xử 12/4/2021 dương lịch là 07 tháng 15 ngày x 10% x 50 triệu = 3.112.500đ. Tổng mức lãi phải trả cho bà P là 29.512.500đ + 85.213.000đ + 3.112.500đ = 117.838.000đ. Nguyên đơn ông K yêu cầu tính lãi suất 10%/năm từ ngày vay là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Lãi suất được tính cụ thể như sau: số tiền vốn 300 triệu đồng, lãi suất tính từ ngày 09/12/2019 âm lịch nhằm ngày 03/01/2020 dương lịch đến ngày 12/4/2021 dương lịch là 01 năm 03 tháng 09 ngày x 10%/năm x 300 triệu đồng = 38.097.000đ; số tiền vốn 100 triệu đồng lãi suất tính từ ngày 16/12/2019 âm lịch nhằm ngày 10/01/2020 dương lịch đến ngày xét xử 12/4/2021 là 01 năm 03 tháng 02 ngày x 10%/năm x 100 triệu đồng = 12.505.000đ. Tổng lãi phải trả cho ông K là 38.097.000đ

+ 12.505.000đ = 50.602.000đ.

[4] Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm tại phiên tòa là hoàn toàn có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Lê HL, bà Võ L phải chịu là 54.277.000đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Các nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 471, 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Áp dụng các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tăng T về việc yêu cầu ông Lê HL và bà Võ L trả số tiền vay.

Buộc ông Lê HL và bà Võ L trả cho ông Tăng T số tiền tổng cộng 370.800.000đ (*Ba trăm bảy mươi triệu, tám trăm nghìn đồng*). Trong đó tiền vốn là 300.000.000đồng và tiền lãi suất là 70.800.000 đồng.

Khi từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Tăng T thì hàng tháng ông Lê HL và bà Võ L còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

[2] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê C về việc yêu cầu ông Lê HL và bà Võ L trả số tiền vay.

Buộc ông Lê HL và bà Võ L trả cho bà Lê C số tiền vốn 170.000.000đ (*Một trăm bảy mươi triệu đồng*).

Khi từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Lê C thì hàng tháng ông Lê HL và bà Võ L còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

[3] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô P về việc yêu cầu ông Lê HL và bà Võ L trả số tiền vay.

Buộc ông Lê HL và bà Võ L trả cho bà Ngô P số tiền vốn 417.838.000đ (*Bốn trăm mười bảy triệu, tám trăm ba mươi tám nghìn đồng*). Trong đó tiền vốn là 300.000.000đồng và tiền lãi suất là 117.838.000 đồng.

Khi từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Ngô P thì hàng tháng ông Lê HL và bà Võ L còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

[4] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê K về việc yêu cầu ông Lê HL và bà Võ L trả số tiền vay.

Buộc ông Lê HL và bà Võ L trả cho ông Lê K số tiền vốn 450.602.000đ (*Bốn trăm năm mươi triệu, sáu trăm lẻ hai nghìn đồng*). Trong đó tiền vốn là 400.000.000đồng và tiền lãi suất là 50.602.000 đồng

Khi từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Lê K thì hàng tháng ông Lê HL và bà Võ L còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê HL và bà Võ L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 54.277.000 đồng (*Năm mươi bốn triệu, hai trăm bảy mươi bảy nghìn đồng*).

Ông Tăng T không phải chịu án phí và ông T được miễn nộp tạm ứng án phí nên không có hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê C không phải chịu án phí được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.250.000 đồng (*Bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0007551 ngày 17/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm.

Bà Ngô P không phải chịu án phí được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.500.000 đồng (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0006901 ngày 19/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm.

Ông Lê K không phải chịu án phí được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) theo biên lai thu số 0006902 ngày 19/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm.

[6] Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Đặng Thị Vàng